TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH TRÀ VINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2018/DS - PT
Ngày: 17/01/2018
"V/v tranh chấp ranh đất"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TRÀ VINH

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Trịnh Minh Tự

Các Thẩm phán: Ông Ngô Đê

Ông Nguyễn Văn Thành

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Phú Hiệp

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Trà Vinh: Bà Trần Hương Thủy, Kiểm sát viên tham gia phiên toà

Ngày 17 tháng 01 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh tiến hành xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 187/2017/TLPT-DS ngày 10 tháng 11 năm 2017 về việc "tranh chấp ranh đất"

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 27/2017/DS-ST ngày 15 tháng 9 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện CT bị kháng cáo, kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 59/2017/QĐXXPT ngày 18 tháng 12 năm 2017 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Trần Văn T, sinh năm 1939

Địa chỉ: ấp Thanh N B, xã Mỹ C, huyện CT, tỉnh Trà Vinh.

Ông Trần Văn T ủy quyền cho bà Trần Tuyết H, sinh năm 1975 tham gia tố tụng theo Văn bản ủy quyền ngày 21/12/2017. (có mặt)

Địa chỉ: ấp Đầu GB, xã Mỹ C, huyện CT, tỉnh Trà Vinh.

Bị đơn: Bà Trần Thị C, sinh năm 1956 (có mặt)

Địa chỉ: ấp Kinh X, xã Thanh M, huyện CT, tỉnh Trà Vinh.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

- Bà Lai Cúc H, sinh năm 1968
- Ông Trần Thanh TN, sinh năm 1979
- Bà Trần Thị Tuyết H, sinh năm 1983
- Ông Trần Thanh T, sinh năm 1985
- Ông Trần Thanh Tr, sinh năm 1987
- Ông Trần Thị Tuyết Hg, sinh năm 1989
- Bà Trần Thị Tuyết H, sinh năm 1991

Cùng địa chỉ: ấp Thanh N B, xã Mỹ C, huyện CT, Trà Vinh.

- Bà Trần Thị Tuyết H, sinh năm 1981

Địa chỉ: Khóm N, phường M, thành phố TV, tỉnh Trà Vinh.

Bà H, ông Tr, bà Hạnh, bà TN, ông T, bà Hg, bà H, bà H đồng ủy quyền tham gia tố tụng cho bà Trần Tuyết H, sinh năm 1975 theo Văn bản ủy quyền ngày 21/12/2017 (có mặt)

Địa chỉ: ấp Đầu GB, xã Mỹ C, huyện CT, tỉnh Trà Vinh.

-Ông Nguyễn Văn N, sinh năm 1976 (có mặt)

- Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1979

Địa chỉ: ấp Kinh X, xã Thanh M, huyện CT, tỉnh Trà Vinh.

- Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1990
- Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1992
- Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1994
- Bà Phan Thị Diễm Tr, sinh năm 1997
- Bà Bùi Thị S, sinh năm 1932

Cùng địa chỉ: ấp Kinh X, xã Thanh M, huyện CT, tỉnh Trà Vinh.

- Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1982

Địa chỉ: ấp Kinh X, xã Thanh M, huyện CT, tỉnh Trà Vinh.

Chị H, chị H, anh T, chị L, anh T, chị Tr và bà Bùi Thị S ủy quyền cho bà Trần Thị C tham gia tố tụng (có mặt)

Địa chỉ: ấp Kinh X, xã Thanh M, huyện CT, tỉnh Trà Vinh.

Người kháng cáo: Ông Trần Văn T

Địa chỉ: ấp Thanh N B, xã Mỹ C, huyện CT, tỉnh Trà Vinh

Ông Trần Văn T ủy quyền tham gia tố tụng cho bà Trần Tuyết H, sinh năm 1975 theo Văn bản ủy quyền ngày 21/12/2017. (có mặt)

Địa chỉ: ấp Đầu GB, xã Mỹ C, huyện CT, tỉnh Trà Vinh

Viện kiểm sát kháng nghị: Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện CT, tỉnh Trà Vinh

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện của ông Trần Văn T và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bà Trần Tuyết H là người đại diện theo ủy quyền của ông Trần Văn T trình bày: Nguồn gốc thửa đất 465, tờ bản đồ số 9 diện tích 1510m^2 tọa lạc tại ấp Kinh X, xã Thanh M, huyện CT là do ông Trần Văn T nhận chuyển nhượng của ông Nguyễn Văn Đặng vào năm 1989. Khi nhận chuyển nhượng đất chưa được cấp quyền sử dụng, không có đo đạc mà chỉ có chỉ ranh tứ cận, trong ranh đất giáp với đất của hộ bà Trần Thị C là hàng dừa. Đến năm 1997 hộ ông T được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và gia đình ông sử

dụng ổn định đến nay. Ngày 01/11/2014 bà Trần Thị C cấm cột làm hàng rào lấn sang phần đất của hộ ông T cập tỉnh lộ 912 chiều ngang 1,2m, chiều dài 33,5m, phía sau ngang 0,3m tổng diện tích là 30m^2.

Nay bà Trần Tuyết H đại diện cho ông Trần Văn T yêu cầu bà Trần Thị C phải có trách nhiệm trả lại 30m^2 thuộc đất thửa đất 465, tờ bản đồ số 9 tọa lạc tại ấp Kinh X, xã Thanh M, huyện CT, tỉnh Trà Vinh cho hộ ông T.

Bà Trần Thị C là bị đơn trình bày: Nguồn gốc 1420m^2 đất thửa số 466, tờ bản đồ số 9, tọa lạc tại ấp Kinh X, xã Thanh M, huyện CT do chồng bà là ông Nguyễn Văn Lắm đứng tên quyền sử dụng đất nằm liền kề với đất ông Trần Văn T là của cha, mẹ bà là ông bà Trần Văn B để lại cho bà. Đất của hai bên có cậm trụ đá làm ranh. Đến ngày 28/11/2014 gia đình bà làm hàng rào trên phần đất bà đang sử dụng thì bị hộ ông Trần Văn T ra ngăn cản, đập phá cho rằng bà đã lấn chiếm đất của ông T

Nay ông T yêu cầu bà phải trả lại diện tích đất 30m^2 bà không đồng ý. Vì bà không có lấn chiếm đất của ông T.

Bà Trần Tuyết H cùng đại diện theo ủy quyền cho bà H, ông Tr, bà H, bà T, ông T, bà H, bà H, bà H trình bày: Thống nhất ý kiến và yêu cầu của ông Trần Văn T, ngoài ra không có yêu cầu gì khác.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn N trình bày: Ông hoàn toàn thống nhất với lời trình bày của bà C, ngoài ra không có ý kiến gì khác.

Bà Trần Thị C đại diện theo ủy quyền cho bà H, bà L, ông T, ông T, bà H, bà Tr, bà S trình bày: Thống nhất ý kiến của bà C, không có lấn đất của ông T nên không đồng ý trả đất theo yêu cầu của ông T

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 27/2017/DS-ST ngày 15 tháng 9 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện CT, tỉnh Trà Vinh đã quyết định:

Bác đơn yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn T yêu cầu hộ bà Trần Thị C trả lại 30m^2 đất thuộc thửa số 465, tờ bản đồ số 9, tọa lạc tại ấp Kinh X, xã Thanh M, huyện CT, tỉnh Trà Vinh

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, lệ phí thẩm định, định giá và quyền kháng cáo của đương sự theo quy định pháp luật.

Ngày 26/9/2017 Ông Trần Văn T kháng cáo bản án dân sự sơ thẩm số 27/2017/DS-ST ngày 15 tháng 9 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện CT yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm buộc hộ bà Trần Thị C trả lại diện tích đất đã lấn chiếm là 30m^2 đất thuộc thửa đất 465, tờ bản đồ số 9 tọa lạc tại ấp Kinh X, xã Thanh M, huyện CT do hộ ông Trần Văn T đứng tên quyền sử dụng đất.

Ngày 02/10/2017 Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện CT kháng nghị Bản án dân sự sơ thẩm số 27/2017/DS-ST ngày 15 tháng 9 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện CT với nội dung thửa đất 466 là do ông L đứng tên quyền sử dụng đất nhưng ông L chết mà Tòa án cấp sơ thẩm chưa thu thập giấy chứng tử của ông

L, Tòa án sơ thẩm thụ lý vụ án vào ngày 15/6/2015 nhưng Tòa án cấp sơ thẩm lại thu thập những tài liệu của vụ án khác đối với thửa 465 là không đảm bảo khách quan cũng như về mặt thủ tục tố tụng, trong hồ sơ không thể hiện quá trình kê khai đăng ký qua các thời ký đối với thửa 465 nhưng án sơ thẩm lại định thửa 465 tăng qua các thời kỳ, án sơ thẩm chỉ căn cứ vào công văn 45 ngày 19/01/2015 của Ủy ban nhân dân huyện CT và các bản án sơ, phúc thẩm của vụ án khác để giải quyết đối với vụ án này là chưa đảm bảo khách quan cũng như quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự. Nên đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm hủy bản án dân sự sơ thẩm số 27/2017/DS-ST ngày 15 tháng 9 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện CT

Tại phiên toà phúc thẩm hôm nay, bà Trần Tuyết H đại diện theo ủy quyền của ông Trần Văn T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu kháng cáo yêu cầu hộ bà Trần Thị C trả lại 30m^2 đất thuộc thửa đất 465, tờ bản đồ số 9 tọa lạc tại ấp Kinh X, xã Thanh M, huyện CT do hộ ông Trần Văn T đứng tên quyền sử dụng đất mà hộ bà C đã lấn chiếm. Bà Trần Thị C trình bày bà không có lấn chiếm đất ông T nên không đồng ý trả. Hai bên không cung cấp bổ sung thêm chứng cứ nào mới.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Trà Vinh tham gia phiên toà phát biểu ý kiến như sau:

Thẩm phán thụ lý vụ án và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án cấp sơ thẩm thu thập tài liệu, chứng cứ có liên quan đến việc đăng ký kê khai thửa đất số 465 do ông Trần Văn T đúng tên quyền sử dụng đất và thửa 466 do hộ ông Nguyễn Văn L đứng tên quyền sử dụng đất đã xác định diện tích đất đăng ký và diện tích đất được cấp trong đó có khẳng định của Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh huyện CT là 30m^2 nằm trong thửa đất 465 của ông T. Tòa án sơ thẩm cũng đã căn cứ vào công văn số 45/UBND – NC ngày 19/01/2015 của Ủy ban nhân dân huyện CT trao đổi thông tin về địa chính, Bản án số 11/2015/DSST ngày 13/5/2015 của Tòa án nhân dân huyện CT, Bản án số 26/2016/DSPT ngày 18/01/2016 của Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh để làm căn cứ là phù hợp với kết quả xác minh đo đạc của cấp sơ thẩm. Nên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Trà Vinh xin thay đổi kháng nghị đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm sửa án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trần Văn T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh luận. Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Xét thấy đơn kháng cáo của ông Trần Văn T, kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện CT còn trong hạn luật định được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2] Xét yêu cầu kháng cáo của ông Trần Văn T về việc yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm buộc hộ bà Trần Thị C trả lại diện tích lấn chiếm là 30m^2 thuộc thửa đất

465, tờ bản đồ số 9 tọa lạc tại ấp Kinh X, xã Thanh M, huyện CT do hộ ông Trần Văn T đứng tên quyền sử dụng đất.

Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng: Việc Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn T và không xác định phần đất tranh chấp là của ai là không khả thi.

Xét về nguồn gốc đất tranh chấp tại thửa 465 là do ông T nhận chuyển nhượng của ông Nguyễn Văn Đ. Theo lời trình bày của ông Nguyễn Văn Đ cho biết thửa đất 465 trước đây là ông nhận chuyển nhượng của ông Dương Văn Đ nguyên thửa, không biết diện tích là bao nhiêu và giáp ranh với đất của bà C là cây Dừa và câu Mù U (BL 40). Ông Dương Quốc Ph là con ông Dương Văn Đ cho biết nguồn gốc thửa đất 465 là của cha ông đã chuyển nhượng cho ông Đ, ông Đ chuyển nhượng cho ông T. Trước chuyển nhượng phần đất này thì cha mẹ ông có trồng hàng dừa để làm ranh với đất của bà Trần Thị C (BL 53) và theo lời khai của một số người làm chứng như: ông Nguyễn Văn R, ông Nguyễn Văn Ph, ông Nguyễn Thái H, ông Nguyễn Văn H, ông Nguyễn Văn S, bà Nguyễn Thị Y, bà Nguyễn Thị N, ông Trần Văn T là hàng xóm, láng giềng của của ông T và bà C cho biết về nguồn gốc đất thửa 465 là của ông Đ trước đây giáp đất với bà C có trồng hàng dừa để làm ranh, sau đó bán lại cho ông T và ông T vẫn sử dụng phần đất này với hàng dừa là của ông T (BL 55, 56, 57, 58, 59, 60. 61, 62, 63) và tại phiên tòa sơ thẩm bà C thừa nhận hàng dừa được ông Đ trồng giáp với phần đất của bà là của ông T được trồng trên phần đất của ông T (theo bút lục số 274); Theo kết quả khảo sát thực địa vào ngày 08/8/2016 do hai bên nguyên đơn và bị đơn trực tiếp chỉ phần đất tranh chấp có diện tích là 30m^2 là thuộc thửa đất 465 của ông Trần Văn T, không nằm trong tổng diện tích đất thửa 466 do ông L chồng bà C đứng tên; Tại trích lục bản đồ địa chính số 1676 ngày 25/12/2012 của Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện CT (Nay là Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện CT) xác định diện tích đất thửa 465 do ông Trần Văn T đứng tên quyền sử dụng đất diện tích sử dụng ổn định là 846m^2 giảm 664m^2, trong đó có 58 m^2 bị giảm là do sử dụng sai ranh với thửa 466 do ông L chồng bà C đứng tên quyền sử dụng đất (theo bút lục số 182). Như vậy phần bà C sử dụng đất của ông T 58 m^2, nhưng ông T chỉ khởi kiện 30 m^2 nên Tòa án chỉ xem xét phần diện tích đất có tranh chấp. Từ các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ thể hiện hộ bà Trần Thị C trong quá trình sử dụng đất liền kề với đất của hộ ông Trần Văn T là có lấn chiếm diện tích 30m^2 đất là có. Do đó Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn T là không có căn cứ, không phù hợp quy định tại Điều 175 Bộ luật dân sự và Điều 170 Luật đất đai, không phù hợp với các tình tiết khách quan đến vụ án. Nên yêu cầu kháng cáo của ông Trần Văn T có cơ sở để Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận, buộc hộ bà Trần Thị C phải trả lại diện tích lấn chiếm là 30m^2 đất (có tứ cận kèm theo)

[3] Đối với kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện CT, tỉnh Trà Vinh. Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy trong hồ sơ có thể hiện rõ giấy chứng tử của ông Nguyễn Văn L. Diện tích đất tại thửa 465 giảm đã được thể hiện

rõ tại trích lục bản đồ địa chính số 1676 ngày 25/12/2012 của Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện CT (nay là Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện CT); Việc tòa án cấp sơ thẩm thu thập tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ khác là khách quan và đúng theo quy định tại Điều 97 Bộ luật tố tụng dân sự. Riêng đối với thửa đất số 466 của bà Trần Thị C có giảm so với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã thể hiện thì có một phần diện tích đất giảm do mở rộng lộ giới. Tuy nhiên trong vụ án này, việc giảm diện tích đất của bà Trần Thị C không làm thay đổi ranh giữa thửa đất số 466 của bà C và thửa đất 465 của ông T. Do đó việc kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện CT đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm hủy bản án trên là không cần thiết. Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Trà Vinh cũng nhận định việc hủy bản án sơ thẩm là không cần thiết, tuy nhiên án sơ thẩm chưa xem xét toàn bộ chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã làm ảnh hưởng đến quyền lợi của ông T nên đề nghị Hội đồng xét xử sửa án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông T là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên có căn cứ chấp nhận.

[4] Về án phí: Ông Trần Văn T không phải chịu án phí dân sự sơ, phúc thẩm; Bà Trần Thị C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

[5] Về chi phí tẩm định, định giá: Bà Trần Thị C phải chịu theo quy định pháp luật, ông Trần Văn T không phải chịu chi phí này.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị, có hiệu lực pháp luật từ khi hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 309 Bộ luật tố tụng dân sự.

Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Trần Văn T, chấp nhận một phần kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện CT, tỉnh Trà Vinh

Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 27/2017/DS-ST ngày 15 tháng 9 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện CT, tỉnh Trà Vinh, về việc "Tranh chấp ranh đất", giữa:

Nguyên đơn: Ông Trần Văn T, sinh năm 1939

Địa chỉ: ấp Thanh N B, xã Mỹ C, huyện CT, tỉnh Trà Vinh

Bị đơn: Bà Trần Thị C, sinh năm 1956

Địa chỉ: ấp Kinh X, xã Thanh M, huyện CT, tỉnh Trà Vinh

Cùng một số người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan

Áp dụng Điều 175 Bộ luật dân sự; Điều 170 Luật đất đai; Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án số: 10/2009/PL-UBTVQH12, ngày 27 tháng 02 năm 2009 của Ủy ban thường vụ Quốc hội; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn T

Buộc hộ bà Trần Thị C gồm bà Trần Thị C, Nguyễn Văn N, Nguyễn Thị H, Nguyễn Văn T, Nguyễn Thị L, Nguyễn Văn T, Phan Thị Diễm Tr, Nguyễn Thị H

và bà Bùi Thị S trả lại cho ông Trần Văn T 30m^2 đất thuộc thửa 465, tờ bản đồ sớ 9, loại đất ở - quả, tọa lạc tại ấp Kinh X, xã Thanh M, huyện CT, tỉnh Trà Vinh, có tứ cận như sau:

Hướng Đông giáp thửa số 465, kích thước 38,6m

Hướng Tây giáp thửa số 466, kích thước 38,6m

Hướng Nam giáp tỉnh lộ 912, kích thước 1,27m

Hướng Bắc giáp kênh, kích thước 0,3m

(kèm theo sơ đồ khu đất được ban hành kèm theo công văn số 84/CVVPĐKĐĐ ngày 17/8/2016 của văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh huyện CT).

Về án phí:

Ông Trần Văn T không phải chịu án phí dân sự sơ, phúc thẩm; Hoàn trả lại cho ông Trần Văn T số tiền nộp tạm ứng án phí đã nộp là 200.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0007563 ngày 11/6/2015 và 300.000đồng theo biên lai thu số 0012362 ngày 26/9/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện CT.

Bà Trần Thị C phải nộp 1.217.547 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Về chi phí thẩm định, định giá: Bà Trần Thị C phải chịu 4.976.061 đồng chi phí thẩm định, định giá tài sản. Ông Trần Văn T không phải chịu chi phí thẩm định, định giá. Hoàn trả lại cho ông Trần Văn T số tiền tạm ứng chi phí thẩm định, định giá 5.000.000đồng. (Trong đó, ông Trần Văn T liên hệ với Chi cục thi hành án dân sự huyện CT để nhận số tiền 4.976.061đồng sau khi Chi cục thi hành dân sự huyện CT thu từ bà Trần Thị C và nhận tại Tòa án nhân dân huyện CT số tiền 23.939đồng).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án; quyền, nghĩa vụ của người được thi hành án, người phải thi hành án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị, đã có hiệu lực pháp luật từ khi hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị

Bản án này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Trà Vinh;
- TAND H.Châu Thành;
- CCTHADS H.Châu Thành;
- VKSND H.Châu Thành;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trịnh Minh Tự